

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/HS-ST**

Ngày 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Như Ngọc, Phó Bí thư Huyện đoàn huyện An Minh.

Bà Hồ Thị Hoa, Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thị - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Văn L, sinh ngày 25/8/1992, tên gọi khác Ba L, tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc Kinh; Con ông Trần Văn U và bà Trần Thị B; Vợ: chưa có; Con chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 16-9-2017, tạm giam ngày 22-9-2017 cho đến nay (*có mặt*).

2/ Họ và tên: Phạm Hữu D, sinh ngày 05/4/1996, tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc Kinh; Con ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T; Vợ: chưa có; Con chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 16-9-2017, tạm giam ngày 22-9-2017 cho đến nay (*có mặt*).

3/ Họ và tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 13/9/2000, tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 10/12; dân tộc Kinh; Con ông Nguyễn Thanh H1 và bà Lê Minh P (ông H1, bà P đã ly hôn năm 2005); vợ chưa có; Con chưa có; tiền án: không;

tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 19-10-2017 đến ngày 21-12-2017 được bảo lãnh tại ngoại cho đến nay (có mặt).

* *Người bào chữa*: Bà Nguyễn Thị Khoa - Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (bào chữa cho bị cáo H) (có mặt).

* *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo H*: Bà Lê Minh P, sinh năm 1981, mẹ ruột bị cáo Nguyễn Thanh H. Cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* *Bị hại*:

- Anh Trương Thanh Q, sinh năm 1981 (có mặt)

- Ông Trịnh Xuân S, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

- Anh Ngô Quang Kh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1995. Cư trú: Ấp TH, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang (vắng mặt).

- Chị Trương Thị MT, sinh năm 2000. Cư trú: Ấp TP, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện cho chị MT: bà Phạm Ngọc H, là mẹ ruột chị MT. Cư trú: ấp TP, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bà Phan Thị Ph, sinh năm 1969 (có mặt)

- Anh Trần Văn V, sinh năm 1991 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang

- Anh Lê Văn D, sinh năm 1991. Cư trú: Ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Anh Lê Dương L, sinh năm 1993. Cư trú: Ấp TA, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Võ Hoài B, sinh năm 1980 (có mặt)

- Anh Lê Văn Th, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp TL, xã ĐT, huyện An Minh - Kiên Giang

-. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1973. Cư trú: Ấp XN A, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

- Chị Hồng Thị Ý, sinh năm 1997. Cư trú: Ấp 11A, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 25/11/2001 (có mặt)

Người đại diện cho anh Ch: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1982, là cha, mẹ của anh Ch (có mặt). Cùng cư trú: MĐ B, xã VK, huyện An Minh, Kiên Giang

- Anh Đinh Công Q (Bi), sinh ngày 23/8/2001 (có mặt)

Người đại diện cho anh Q: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975, mẹ của Đinh Công Q (có mặt).

- Anh Lư Vũ H, sinh năm 1988 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Anh Võ Lê UT, sinh năm 1994 (có mặt)

- Anh Danh Quế Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng cư trú: KP2, TT 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Anh Võ Đông S, sinh năm 1994. Cư trú: ấp NB, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang(vắng mặt).

- Anh Lê Chí H (Tèo), sinh năm 1989 (có mặt)

- Anh Trần Công R, sinh năm 1983 (vắng mặt)

- Anh Lê Trần V, sinh năm 1995 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thanh Nh (Tú), sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng cư trú: KP1, TT11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/9/2017, Trần Văn L và Phạm Hữu D đến Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện An Minh đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản. Các bị can khai nhận đã tham gia các vụ sau:

- Vụ thứ nhất: Vào đêm 29/5/2017, Nguyễn Văn Ch đột nhập vào nhà anh Trương Thanh Q ở KP1, TT11, huyện An Minh lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tap A6, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu VIVO5 Hàn Quốc, màu đen. Qua đêm hôm sau, Ch gặp Trần Văn L nói đã lấy trộm được 01 điện thoại di động và 01 máy tính bảng ở nhà anh Q và đem ra cho L xem. Đối với điện thoại hiệu VIVO5, Cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả lại cho anh Q. Anh Q yêu cầu L và Ch bồi thường giá trị 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tap A6 là 5.000.000 đồng (mỗi người 2.500.000 đồng). Gia đình Nguyễn Văn Ch đã bồi thường xong phần của Ch; phần của L chưa bồi thường.

- Vụ thứ hai: Vào đêm 18/6/2017 (nhằm ngày 25/5/2017 âm), Trần Văn L, Nguyễn Thanh H và Đinh Công Q (Bi) cùng nhau chơi game tại nhà của H ở KP1, TT11, huyện An Minh. Đến khoảng 01 giờ, L rủ Q và H đi tìm tài sản lấy trộm, cả 03 đều đồng ý. Khi đi đến kho chứa hàng điện tử của ông Trịnh Xuân S ở KP 1, thấy anh Trần Văn Ch đang ngủ bên trong, cửa kho bị khóa nên L đi đến chỗ công trình xây dựng gần đó lấy cây kim cộng lực để cắt ổ khóa cửa và đột nhập vào trong lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo7, màu trắng. Sau đó L, H và Q đi về nhà H ngủ đến

sáng. L đổi điện thoại OPPO Neo 7 và máy tính bảng hiệu Iphone với Ch để lấy máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A6 và điện thoại hiệu VIVO5 màu đen, L đưa điện thoại hiệu VIVO5 màu đen cho H sử dụng. Gia đình Nguyễn Thanh H và Đinh Công Q đã liên đới bồi thường theo yêu cầu của anh Ch1 số tiền là 2.000.000 đồng;

- Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 08/7/2017, Trần Văn L, Phạm Hữu D và Nguyễn Văn Ch đi bằng phương tiện xe Wave anpha màu trắng, biển kiểm soát 68M1-236.77 của L theo tỉnh lộ 967 về hướng Thới 7 để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà chị Trương Thị MT ở ấp TP, xã ĐT, huyện An Minh, L và D ở ngoài xe canh đường cho Ch đột nhập vào nhà chị MT lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu đen và 01 điện thoại Iphone 7 Đài Loan, màu đỏ. Đối với điện thoại hiệu Sony Xperia D lấy cho bạn gái tên Thảo sử dụng, Thảo đã bỏ địa phương đâu không rõ địa chỉ, còn điện thoại Iphone 7 L bán cho 01 người lạ mặt được 500.000 đồng nên chưa thu hồi được. Chị MT yêu cầu bồi thường số tiền 5.700.000 đồng (L, D và Ch mỗi người 1.900.000 đồng), D và Ch đã bồi thường xong, còn L chưa bồi thường;

- Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ ngày 13/7/2017, Trần Văn L, Phạm Hữu D và Nguyễn Văn Ch sau khi nghỉ chơi game tại tiệm game của anh Trần Duy N ở KP1, TT11, huyện An Minh thì L và Ch bàn tính với nhau đi vòng chợ Thới 11 để tìm tài sản lấy trộm. Lúc này D đang xem phim trên điện thoại nên không chú ý việc L và Ch bàn tính như thế nào. L và Ch đi tìm tài sản, còn D ngồi lại ở trước cửa tiệm game. L và Ch phát hiện kho chứa hàng điện tử để bán của anh Trịnh Xuân S ở KP 1 cửa khóa nhưng còn khe hở. L quay lại tiệm game lấy cây kim bấm, trên đường đi đến kho hàng thì gặp Nguyễn Thanh H nên rủ H cùng đi trộm, H đồng ý. L dùng kim mở khóa cửa, Ch dùng đèn trong điện thoại rọi cho L mở khóa, còn H thì đứng bên ngoài canh đường. L lấy xe kéo để ngoài lộ chỗ đối diện tiệm game để chở tài sản lấy trộm. L nói với D là sẽ lấy trộm mấy thùng loa kéo hát karaoke của ông S và kêu D đi lại chỗ ngã ba ngang vừa gạo 49 đơi, L lấy xong sẽ đem lại chỗ D mang về nhà. L, Ch và H lấy 04 thùng loa kéo V- 4500 bỏ lên xe kéo về ngang vừa gạo 49, lúc này D ở đó đợi sẵn. L kêu mỗi người lấy 01 thùng Loa kéo mang về nhà cất giấu nên L lấy 01 Loa, D 01 Loa, H 01 Loa, còn 01 Loa để ở nhà Chà Mách bỏ hoang ở gần đó. Sau đó, L lấy Loa kéo ở nhà H bán cho Võ Lê UT ở KP 1 với giá 1.500.000 đồng, Loa kéo ở nhà Chà Mách đưa cho em rể tên Võ Đông S ở ấp NB, xã ĐHB sử dụng và S đã bán lại cho Tr ở cùng ấp được 2.000.000 đồng. Hiện tài sản đã thu hồi và giao trả cho người bị hại;

- Vụ thứ năm: Ngày 03/8/2017, Trần Văn L điều khiển xe Wave anpha màu trắng, biển kiểm soát 68M1-236.77 của L chở Phạm Hữu D và Nguyễn Văn Ch theo tuyến lộ Hành lang ven biển phía Nam (lộ Xuyên Á) để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà chị Phan Thị Ph ở ấp NB, xã ĐHB, huyện An Minh, L và D ở ngoài xe canh đường còn Ch đột nhập vào nhà chị Ph lấy trộm 03 điện thoại di động (02 điện thoại

hiệu OPPO A39 màu vàng và màu trắng của chị Ph và anh Trần Văn V, con chị Ph; 01 điện thoại hiệu ZTE Blade A813 màu trắng của anh Lê Văn D, cháu chị Ph). Sau đó, L, D và Ch chạy xe về chợ Thứ 11 chia tài sản vừa lấy trộm được. L lấy 01 điện thoại OPPO A39 màu vàng, cho bạn gái tên Thiên Nhi (quen qua mạng xã hội ở Đà Nẵng, không rõ địa chỉ), điện thoại hiệu ZTE Blade A813 bán cho anh Trần Công R ở KP1, TT11 được 500.000 đồng, cả 03 tiêu xài chung. Còn điện thoại OPPO A39 màu trắng thì Nguyễn Văn Ch lấy sử dụng, sau đó bán lại cho Danh Quế Q ở KP 3, TT 11 với giá tiền là 1.500.000 đồng, Q bán lại cho một người lạ ở Thị xã Giá Rai, nên không thu hồi được. Riêng điện thoại hiệu ZTE Blade A813 bị hỏng, anh R đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chị Trần Thị Ph, Trần Văn V và Lê Văn D yêu cầu L, D và Ch liên đới bồi thường giá trị 03 điện thoại di động với số tiền là 10.500.000 đồng (mỗi người 3.500.000 đồng). Nguyễn Văn Ch đã bồi thường được 2.000.000 đồng, Phạm Hữu D đã bồi thường được 3.100.000 đồng, riêng Trần Văn L chưa bồi thường;

- Vụ thứ sáu: Vào khoảng 01 giờ ngày 05/8/2017, Phạm Hữu D điều khiển xe Wave anpha, màu xanh, biển kiểm soát 68S1- 0606 của D chở Nguyễn Văn Ch, còn Trần Văn L điều khiển xe Wave màu trắng của L chạy theo lộ Xuyên Á đến Thứ 7 rồi vòng về theo tuyến tỉnh lộ 967, khi đến ngang kho Tol Trường Phát ở ấp TA, xã ĐT, huyện An Minh thì dừng xe lại. D và L ở ngoài canh đường, còn Ch đột nhập vào kho Tol lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3, màu đồng của anh Lê Dương L. Sau đó, cả 03 chạy về quán cà phê bà Chín ngang cầu treo Thứ 11, D kêu L và Ch để điện thoại lại cho D sử dụng, D đưa cho L 1.000.000 đồng, đưa cho Ch 800.000 đồng. D đã giao nộp điện thoại cho Cơ quan điều tra để trả lại cho anh L;

- Vụ thứ bảy: Vào khoảng 01 giờ ngày 20/8/2017, Trần Văn L điều khiển xe Wave màu trắng của L chở Nguyễn Văn Ch, còn Phạm Hữu D điều khiển xe Wave màu xanh của D chạy theo tuyến tỉnh lộ 967, qua cầu Thứ 9 Rưởi chạy về hướng Xẻo Nhàu, khi đến ấp TL, xã ĐT, huyện An Minh thì dừng xe lại, Ch đột nhập vào nhà anh Võ Hoài B lấy trộm 01 Laptop hiệu MSI màu đen và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab3, T116 Nu màu trắng. Sau đó, Nguyễn Văn Ch tiếp tục đột nhập vào nhà anh Lê Văn T ở cùng ấp lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo9, màu trắng. Khi Ch từ nhà anh T đi ra, L hỏi có lấy được gì không? Ch trả lời là không, sau đó, cả 03 lên xe chạy về chợ Thứ 11. Đến sáng lại, L, D và Ch đem bán cho tiệm cầm đồ của Lư Vũ H ở KP2, TT11, huyện An Minh được 10.800.000 đồng (Laptop 10.000.000 đồng, máy tính bảng 800.000 đồng), cả 03 chia nhau tiêu xài. Riêng điện thoại OPPO Neo9, mấy hôm sau Ch đem bán cho H được 1.400.000 đồng. Hiện máy tính bảng hiệu Samsung H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra nhưng đã bị hỏng, còn Laptop và điện thoại H đã bán cho người lạ nên không thu hồi được. Anh Võ Hoài B yêu cầu L, D và Ch liên đới bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (mỗi người 5.000.000 đồng). D và Ch

đã bồi thường xong, riêng L chưa bồi thường. Anh Lê Văn T yêu cầu Nguyễn Văn Ch bồi thường giá trị chiếc điện thoại OPPO Neo9 là 2.500.000 đồng, gia đình Ch đồng ý nhưng chưa bồi thường;

- Vụ thứ tám: Vào đêm 21/8/2017, Trần Văn L điều khiển xe Wave màu trắng của L chở Phạm Hữu D và Nguyễn Văn Ch theo lộ xuyên Á để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh thì dừng xe lại, L và D ở ngoài xe canh đường cho Ch đột nhập vào nhà chị Hồng TY lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Massetel Tab 850 màu vàng. Sau đó, L đem bán cho Lê Chí H (Tèo) ở KP1, TT11 được 400.000 đồng, anh H sử dụng một thời gian bị hỏng nên đã bỏ. Chị TY yêu cầu L, D và Ch liên đới bồi thường số tiền 1.800.000 đồng (mỗi người 600.000 đồng), hiện các bị can chưa bồi thường;

- Vụ thứ chín: Khoảng 01 giờ ngày 27/8/2017, Trần Văn L điều khiển xe Wave màu trắng, biển kiểm soát 68M1-236.77 của L chở Phạm Hữu D và Nguyễn Văn Ch cùng nhau đi tìm nhà dân sơ hở để lấy trộm tài sản. Khi đến Trường THPT Nguyễn Văn Xiển ở ấp Xẻo Nhàu A, xã Tân Thạnh, huyện An Minh thì dừng lại trú mưa. Nguyễn Văn Ch đột nhập vào nhà anh Huỳnh Văn T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu hồng, rồi cả 03 cùng lên xe chạy về chợ Thứ 11. Đến sáng, L và Ch mang điện thoại đến tiệm cầm đồ của Lư Vũ H bán được 2.400.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc điện thoại và giao trả lại cho anh T;

- Vụ thứ mười: Khoảng 02 giờ ngày 10/9/2017, Trần Văn L rủ Nguyễn Văn Ch đi vòng khu vực Trung tâm thương mại thị trấn Thứ 11 tìm tài sản trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến chỗ công trình đang thi công xây dựng nhà cho anh Lũy ở KP1, TT11 thấy có những người làm công trình đang ngủ nên L phân công Ch vào tìm tài sản, còn L thì đứng ngoài canh đường. Ch đi vào lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO Neo7, màu trắng, của anh Ngô Quang K ở KP PT 2, thị trấn GQ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L điều khiển xe chở Ch đến tiệm cầm đồ của anh Lư Vũ H ở KP2, TT11, bán điện thoại của anh K được 1.200.000 đồng, cả 02 tiêu xài chung hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 19/KL- HĐĐG ngày 18/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận:

- 04 (Bốn) Loa kéo V- 4500 (còn mới), có giá trị 10.800.000 đồng;
- 01 (Một) Laptop hiệu MSI màu đen, giá trị còn lại 17.091.000 đồng;
- 01 (Một) máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy tab3, T116 Nu màu trắng, giá trị còn lại 2.640.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 prime G610 pink, giá trị còn lại 5.391.000 đồng;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO F3, màu đồng, giá trị còn lại 6.291.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia, cảm ứng, màu đen, giá trị còn lại 4.410.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Đài Loan, màu đỏ, giá trị còn lại 2.430.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A39, màu vàng, giá trị còn lại 3.861.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A39, màu trắng, giá trị còn lại 4.075.500 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu ZTE Blade A 813, màu trắng, cảm ứng, giá trị còn lại 2.723.000 đồng;
- 01 (Một) máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy tab A6 màu đen, giá trị còn lại 6.320.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu VIVO5 Hàn Quốc, màu đen, viền vàng, giá trị còn lại 4.000.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Neo7 màu trắng, cảm ứng, giá trị còn lại 3.510.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu vàng, cảm ứng, giá trị còn lại 1.805.000 đồng;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO Neo7 màu trắng, cảm ứng, giá trị còn lại 1.800.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ:

- 01 (Một) chiếc xe Mô tô hiệu Honda, loại xe Wave, màu Trắng- Đen-Bạc, có biển số 68M1- 236.77, cũ đã qua sử dụng (xe của Trần Văn L) là phương tiện bị can dùng để thực hiện tội phạm;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Văn L, số 014824;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy tên Trần Văn L.

Riêng chiếc xe mô tô Trung Quốc hiệu Wave anpha, màu xanh, biển kiểm soát 68S1- 0606 của Phạm Hữu D, là phương tiện phạm tội. Nhưng khi Cơ quan điều tra chưa phát hiện tội phạm, thì D đã mang chiếc xe nói trên cầm cho Nguyễn Thanh N với số tiền 3.000.000 đồng, do quá thời hạn D không đến chuộc nên anh N đã bán chiếc xe này cho 01 người lạ mặt không rõ tên, địa chỉ.

Tại Cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 16-01-2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Thanh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Trần Văn L (Ba L), Phạm Hữu D về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

* *Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Văn L (Ba L), Phạm Hữu D khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Đồng ý bồi thường cho các bị hại.

- Người bị hại:

+ Trương Thanh Q : Yêu cầu bị cáo L bồi thường 2.500.000đ, không yêu cầu gì khác.

+ Trương Thị MT và người đại diện của chị MT bà Phạm Ngọc H: Bị cáo D đã bồi thường 1.900.000đ, Ch bồi thường 1.900.000đ. Nay yêu cầu bị cáo L bồi thường 1.900.000đ, xin giảm nhẹ cho bị cáo D, L.

+ Phan Thị Ph, Trần Văn V, Lê Văn D: Đã được bồi thường 5.100.000đ, nay yêu cầu bị cáo L bồi thường 3.500.000đ, bị cáo D bồi thường phần còn lại 400.000đ; yêu cầu Ch bồi thường phần còn lại 1.500.000đ.

+ Võ Hoài B: Yêu cầu bị cáo L bồi thường 5.000.000đ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D, L.

+ Hồng TY: Yêu cầu bị cáo L, D và Ch bồi thường 1.800.000đ, mỗi người 600.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Văn Ch và người đại diện của Ch bà Nguyễn Thị N đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Văn T 2.500.000đ, bồi thường cho Hồng TY 600.000đ, Phan Thị Ph 1.500.000đ.

+ Đinh Công Q, người đại diện của Q bà Nguyễn Thị M và các anh Võ Lê UT, Lê Chí H, Nguyễn Thanh N (Tú): Không yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát kết luận các bị cáo Trần Văn L, Phạm Hữu D, Nguyễn Thanh H phạm tội trộm cắp tài sản và đề nghị:

+ Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 4 năm đến 5 năm tù.

+ Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Hữu D từ 3 năm đến 4 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 36 và Điều 91BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời hạn tạm giam để buộc bị cáo chấp hành hình phạt còn lại theo quy định.

+ Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 604, 605, 606 và 609 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn L tiếp tục bồi thường cho bị hại Q 2.500.000đ, MT 1.900.000đ, Ph, V, D 3.500.000đ, B 5.000.000đ, TY 600.000đ, K 1.000.000đ. Buộc Ch và gia đình bồi thường cho T 2.500.000đ, P 1.500.000đ, chị TY 600.000đ. Phần D đã bồi thường xong tại phiên tòa.

+ Về biện pháp tư pháp, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu Trắng- Đen- Bạc, biển số 68M1- 236.77; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 014824; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô của Trần Văn L dùng vào việc phạm tội.

- Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Văn L (Ba L), Phạm Hữu D đồng ý với bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu ra, không có ý kiến gì tranh luận hay phản đối.

- Người bào chữa cho bị cáo H: Thống nhất với tội danh và những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H như Kiểm sát viên phân tích. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo nhất thời phạm tội do bị lôi kéo, xúi giục; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tài sản đã khắc phục đầy đủ; người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo là người chưa thành niên phạm tội để áp dụng Điều 91 và 93 Bộ luật hình sự miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách đối với bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo:

+ Nguyễn Thanh H: Bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

+ Trần Văn L (ba L): Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

+ Phạm Hữu D: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo L, D, H khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thẩm tra. Đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2017, Trần Văn L, Phạm Hữu D, Trần Văn Ch và Nguyễn Thanh H đã cấu kết với nhau thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn huyện An Minh, Kiên Giang bằng thủ đoạn lợi dụng đêm tối lén lút chiếm đoạt tài sản. Tổng cộng có 10 vụ chiếm đoạt với tổng giá trị tài sản là 77.147.500đ. Trong đó, bị cáo L tham gia 10 vụ với tổng giá trị 77.147.500 đồng, bị cáo D tham gia 07 vụ với tổng giá trị 61.517.500 đồng, bị cáo H tham gia 02 vụ với tổng giá trị 12.600.000 đồng. Nguyễn Văn Ch tham gia 9 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 75.347.500đ; Đinh Công Q tham gia 01 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.800.000đ.

[3] Như vậy, bằng hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000đ nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Bị cáo L và bị cáo D đã cấu kết với nhau, có sự tham gia của Ch hình thành một nhóm, trong đó có sự chủ mưu, phân công, cấu kết chặt chẽ nên là phạm tội có tổ chức; Trong thời gian ngắn các bị cáo thực hiện liên tục nhiều vụ chiếm đoạt và lấy đó làm thu nhập chính, làm nguồn sống và tiêu xài nên được xác định là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; tài sản mà bị cáo L và bị cáo D chiếm đoạt có tổng giá trị trên 50.000.000đ. Đây là các tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b và e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với bị cáo H tham gia 2 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.600.000đ và là người bị rủ rê, lôi kéo, tuy có đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, nhất thời nên không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo L, D theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 138, bị cáo H theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Đối với Nguyễn Văn Ch là người tích cực tham gia cùng các bị cáo nhưng do Ch sinh ngày 25/11/2001 và đến thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát không truy tố Ch là phù hợp.

[6] Đối chiếu giữa khoản 1, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thấy rằng hai điều luật có mức hình phạt ngang bằng nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 26/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều

theo Luật số 12/2017/QH14 ... xác định bị cáo H phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173, bị cáo L, D phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Hành vi của các bị cáo L, D, H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại. Các bị cáo đều trong độ tuổi và đủ khả năng lao động nhưng vì muốn hưởng lợi mà không phải lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong thời gian ngắn các bị cáo liên tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản thể hiện sự xem thường pháp luật, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, gây dư luận xấu và làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội có đồng phạm và vai trò của từng bị cáo như sau: Bị cáo L là người đề xướng, chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác, trong đó có bị cáo H là người chưa thành niên phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo L có 10 lần thực hiện hành vi, trong đó có 9 lần cấu thành tội trộm cắp; bị cáo D có 7 lần thực hiện hành vi, mỗi lần đều cấu thành tội trộm cắp nên bị cáo L, D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H tuy có 2 lần thực hiện hành vi nhưng chỉ có 1 lần đủ yếu tố cấu thành tội trộm, 1 lần chưa đủ định lượng nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nêu trên.

[8] Tuy nhiên, các bị cáo L, D, H trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bên cạnh đó, bị cáo L, D bên cạnh việc đầu thú thì trong quá trình điều tra đã khai nhận những hành vi trộm cắp tài sản trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo D, H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị hại xin xét xử mức hình phạt nhẹ cho các bị cáo; bị cáo L, D đã đầu thú về hành vi phạm tội nên HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo.

[9] Qua phân tích, Hội đồng xét xử thấy bị cáo L và bị cáo D có 3 tình tiết định khung hình phạt. Bên cạnh đó bị cáo L có 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo L có 1 tình tiết tăng nặng, 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị

cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[10] Đối với bị cáo H là người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng tại Điều 173 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo cùng gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý và xin được áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục. Thấy rằng bị cáo nhất thời phạm tội và phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, gia đình bị cáo cam kết sẽ giáo dục bị cáo nên việc miễn trách nhiệm hình sự, không áp dụng hình phạt mà chỉ áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng đảm bảo được hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Xét đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng biện pháp khiển trách đối với bị cáo thấy rằng biện pháp này chưa tương xứng với hành vi của bị cáo và hiệu quả phòng ngừa không cao. HĐXX thống nhất áp dụng điểm a khoản 2 Điều 91, Điều 92 và Điều 95 Bộ luật hình sự 2015 để miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với bị cáo H.

[11] Về trách nhiệm dân sự: thiệt hại của bị hại là thiệt hại về tài sản nên thiệt hại được xác định theo Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Các bị cáo, người liên quan cùng chiếm đoạt tài sản của người khác nên phát sinh trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường theo quy định tại Điều 587 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, do bị hại, các bị cáo, người liên quan đã tự thỏa thuận phân chia trách nhiệm bồi thường cụ thể, trong đó có phần đã được bồi thường, phần chưa bồi thường cũng đã thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường nên cần ghi nhận. Theo đó, trách nhiệm bồi thường như sau:

+ Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trương Thanh Q 2.500.000đ, Trương Thị MT 1.900.000đ, Trần Thị P, Trần Văn V, Lê Văn D 3.500.000đ, Võ Hoài B 5.000.000đ, Hồng TY 600.000đ, Ngô Quang K 1.000.000đ. Tổng cộng là 14.500.000đ.

+ Phạm Hữu D có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Trần Thị P, Trần Văn V, Lê Văn D 400.000đ, Hồng TY 600.000đ. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo và các bị hại đã giao nhận xong tiền bồi thường.

+ Trần Văn Ch có trách nhiệm bồi thường cho Lê Văn T 2.500.000đ, bà Trần Thị P, Trần Văn V, Lê Văn D 1.500.000đ, Hồng TY 600.000đ. Do Ch gây thiệt hại khi trên 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi và Ch cũng không có tài sản riêng để bồi thường nên cha, mẹ của Ch có trách nhiệm bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, HĐXX buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N (là cha, mẹ của Ch) bồi thường cho anh T số tiền 2.500.000đ, bà P, anh V, D 1.500.000đ, chị TY 600.000đ. Tổng cộng là 4.600.000đ.

[12] Về biện pháp tư pháp: 01 (một) xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu Trắng- Đen- Bạc, biển số 68M1- 236.77 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 014824, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô của Trần Văn L. Đây là phương tiện mà bị cáo L dùng vào việc phạm tội cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[13] Về án phí: căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án tiền án phí như sau:

- + Các bị cáo L, D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự.
 - + Bị cáo L chịu án phí dân sự sơ thẩm là $14.500.000đ \times 5\% = 725.000đ$;
 - + Ông M, bà N cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đối với nghĩa vụ phải trả tiền cho bị hại.
 - + Bị cáo H không phải chịu án phí HSST do được miễn trách nhiệm hình sự;
- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L (Ba L), Phạm Hữu D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn L (Ba L) 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 16-9-2017).

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Hữu D 2 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16-9-2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 91, 92 và 95 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố: Miễn trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản và áp biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Thanh H với thời hạn 18 (mười tám) tháng. Thời hạn giám sát, giáo dục được tính từ ngày người được giám sát, giáo dục có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để nghe thông báo về việc thi hành biện pháp giám sát, giáo dục.

Giao Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thới 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tổ chức giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 288, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc bị cáo Trần Văn L tiếp tục bồi thường cho người bị hại Trương Thanh Q 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), Trương Thị MT 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng), Trần Thị P, Trần Văn V, Lê Văn D 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), Võ Hoài B 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Hồng TY 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Ngô Quang K 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N (là cha, mẹ của Ch) bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), bà Trần Thị P, Trần Văn V, Lê Văn D 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chị Hồng TY 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người người được thi hành án (về tiền) nếu người phải thi hành án (về tiền) không thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe Mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu Trắng- Đen- Bạc, biển số 68M1- 236.77; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 014824; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô của Trần Văn L dùng vào việc phạm tội (*hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2018*).

Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, và Điều 26 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn L (Ba L) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 725.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại. Tổng cộng bị cáo Trần Văn L phải chịu 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Hữu D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện của bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2018).

Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp phần dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; người đại diện, NBC của bị cáo;
- Bị hại; người đại diện của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND thị trấn Thứ 11;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Chí Công